

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 4 NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng Cân đối Kế toán Hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	2 - 5
3. Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh Hợp nhất Quý 4 năm 2019	6
4. Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ Hợp nhất Quý 4 năm 2019	7-8
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 4 năm 2019	9 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 01, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.196.042.805.369	1.391.476.968.171
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	185.784.616.234	172.567.048.493
1. Tiền	111		181.784.616.234	152.567.048.493
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		44.267.969.361	112.264.578.609
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	83.409.810.665	140.694.265.680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(42.841.841.304)	(61.529.687.071)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	3.700.000.000	33.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		795.774.197.666	948.717.189.064
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	367.179.692.149	415.572.537.439
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	151.140.690.093	313.407.557.232
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	81.890.000.000	25.110.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	202.734.879.047	204.403.043.787
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(7.171.063.623)	(9.775.949.394)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		79.717.380.810	65.547.974.159
1. Hàng tồn kho	141	V.8	82.838.589.501	68.666.483.779
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(3.121.208.691)	(3.118.509.620)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		90.498.641.297	92.380.177.846
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	9.885.830.159	18.685.914.248
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		77.569.360.202	67.247.820.601
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	3.043.450.936	6.446.442.997
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.934.934.491.550	8.592.586.275.948
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.021.278.013	54.548.228.370
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	358.000.000	358.000.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	34.663.278.013	54.190.228.370
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.342.681.754.237	3.404.108.820.531
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2.913.535.580.863	2.919.498.474.108
- Nguyên giá	222		4.832.105.725.013	4.493.007.287.938
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.918.570.144.149)	(1.573.508.813.830)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	159.869.253.562	203.471.422.418
- Nguyên giá	225		259.738.889.560	259.292.255.153
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(99.869.635.998)	(55.820.832.735)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	269.276.919.812	281.138.924.005
- Nguyên giá	228		347.789.043.554	346.696.893.881
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.512.123.742)	(65.557.969.876)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.793.420.019.883	1.707.554.353.910
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.793.420.019.883	1.707.554.353.910
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.687.976.460.479	2.631.526.440.205
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	2.484.502.699.138	2.408.854.342.493
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	206.581.032.000	238.333.032.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(3.107.270.659)	(15.660.934.288)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.075.834.978.938	794.848.432.932
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	676.821.739.445	709.062.974.706
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	102.171.085.591	30.485.029.379
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	296.842.153.902	55.300.428.847
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		10.130.977.296.918	9.984.063.244.119

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.572.642.954.287	3.455.080.797.582
I. Nợ ngắn hạn	310		1.828.583.804.332	1.564.164.959.918
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	400.817.789.326	403.579.649.960
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	132.515.247.050	4.780.274.288
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	92.687.715.123	31.037.822.817
4. Phải trả người lao động	314	V.19	59.368.628.876	64.434.393.519
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	188.644.145.607	167.617.217.603
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		5.234.940.031	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22a	186.258.813.521	108.740.670.393
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a	632.479.764.337	675.007.320.722
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.24	68.617.119.820	66.507.460.107
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	61.959.640.641	42.460.150.509
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.744.059.149.955	1.890.915.837.664
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21	223.677.508.700	230.488.858.099
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22b	74.872.116.177	68.333.658.840
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b	1.445.509.525.078	1.591.981.449.040
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.26	-	111.871.685
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

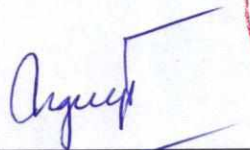
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.558.334.342.632	6.528.982.446.537
I. Vốn chủ sở hữu	410		6.558.334.342.632	6.528.982.446.537
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.27a	2.969.249.570.000	2.969.249.570.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.969.249.570.000	2.969.249.570.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27a	1.941.832.197.040	1.941.832.197.040
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.27a	71.797.775.902	71.797.775.902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.27a	83.017.640.695	88.120.738.511
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.27a	152.636.937.352	140.506.685.321
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.27a	138.163.837.157	127.122.474.017
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.27a	508.017.086.349	541.644.403.653
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	541.644.403.653
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		508.017.086.349	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.28	693.619.298.137	648.708.602.093
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		10.130.977.296.919	9.984.063.244.119

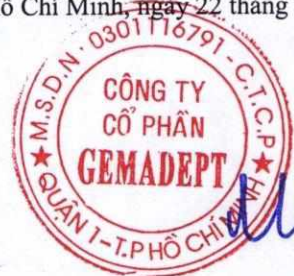
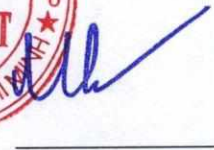
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2020



Phạm Quang Huy
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	644.965.786.358	687.337.175.698	2.640.614.231.268	2.707.556.390.735
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		644.965.786.358	687.337.175.698	2.640.614.231.268	2.707.556.390.735
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	451.870.352.603	479.986.377.133	1.643.887.141.247	1.739.451.058.619
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		193.095.433.755	207.350.798.564	996.727.090.020	968.105.332.116
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.307.849.965	65.650.071.242	108.176.684.680	1.625.363.701.675
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	28.389.436.955	46.259.722.972	146.081.244.939	43.698.716.269
Trong đó: chi phí lãi vay	23		37.037.567.512	42.939.632.422	145.192.481.595	128.796.150.372
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		64.638.720.452	70.139.716.957	238.952.809.949	132.537.689.049
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	36.511.177.958	14.582.225.213	128.370.732.363	102.006.248.164
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	112.885.028.002	95.335.597.015	333.455.034.314	320.526.194.092
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.256.361.256	186.963.041.563	735.949.573.034	2.259.775.564.315
12. Thu nhập khác	31	VI.7	11.171.977.516	5.526.431.943	22.684.346.366	29.311.992.257
13. Chi phí khác	32	VI.8	680.597.057	4.140.456.442	54.026.278.036	106.947.870.911
14. Lợi nhuận khác	40		10.491.380.459	1.385.975.501	(31.341.931.669)	(77.635.878.654)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		92.747.741.715	188.349.017.065	704.607.641.364	2.182.139.685.661
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		97.121.607.266	14.260.864.470	164.652.660.932	285.761.875.411
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(70.769.965.359)	1.456.321.144	(73.586.120.020)	(3.872.615.152)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>66.396.099.808</u>	<u>172.631.831.451</u>	<u>613.541.100.453</u>	<u>1.900.250.425.402</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>64.347.758.413</u>	<u>154.620.746.240</u>	<u>514.857.941.558</u>	<u>1.847.718.123.862</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>2.048.341.395</u>	<u>18.011.085.211</u>	<u>98.683.158.895</u>	<u>52.532.301.540</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	199	469	1.595	6.207
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	199	469	1.595	6.207

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2020




Phạm Quang Huy
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 01, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2019

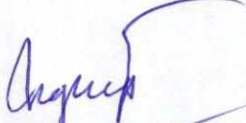
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-
1. Lợi nhuận trước thuế	01	704.607.641.364	2.182.139.685.661
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	364.757.237.373	335.232.703.722
- Các khoản dự phòng	03	(33.846.395.167)	(122.892.338.839)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.519.002.406)	17.639.944.462
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(210.471.482.410)	(1.523.621.758.771)
- Chi phí lãi vay	06	145.192.481.595	128.796.150.372
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	968.720.480.349	1.017.294.386.607
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(205.676.068.854)	12.097.650.902
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(14.172.105.722)	15.577.001.482
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(225.929.597.858)	(16.602.255.057)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	30.059.201.704	(48.506.138.875)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	57.284.455.015	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(141.741.069.705)	(131.292.119.030)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(82.165.482.586)	(273.268.027.773)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(40.693.906.146)	(30.015.000.134)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	345.685.906.197	545.285.498.122
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(358.053.761.058)	(875.894.805.990)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	6.706.172.606	23.738.902.504
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(131.220.005.457)	(180.657.840.992)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	124.685.460.000	187.092.840.992
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.923.285.000)	(238.367.453.817)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	151.536.172.180	1.875.037.192.464
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	107.631.515.620	217.066.104.801
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(107.637.731.109)	1.008.014.939.962

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	86.480.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	744.992.572.493	1.245.028.811.235
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(876.465.071.845)	(618.723.219.047)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(57.526.980.995)	(31.919.524.446)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.536.957.375)	(2.840.778.555.486)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(224.536.437.722)	(2.159.912.487.744)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	13.511.737.365	(606.612.049.660)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	172.567.048.493	779.802.200.597
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(294.169.624)	(623.102.444)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	185.784.616.234	172.567.048.493

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2020


Phạm Quang Huy
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 4 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, Nam Hải ICD; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không.
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã chi trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 15%, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu.

Trong kỳ, Công ty tiếp tục góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Cảng Phước Long, Công ty Cổ phần Niêm Kiều Hân Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương, Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương, Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương và Công ty TNHH Golden Globe, đồng thời ra quyết định chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Campuchia và hoàn tất giải thể Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tín.

Trong quý 4, Công ty nắm quyền kiểm soát gián tiếp Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương thông qua việc Công ty TNHH Cảng Phước Long nắm quyền chi phối tại Công ty này.

Cấu trúc tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 19 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 17 công ty liên doanh, liên kết (tại thời điểm đầu năm Tập đoàn có 19 công ty con và 17 công ty liên doanh, liên kết). Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Lô CA1, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	84,66%	84,66%	84,66%	84,66%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	201 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	80,40%	80,40%	80,40%	80,40%
Công ty TNHH Cảng Phước Long	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ ⁽ⁱ⁾	Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	46,00%	46,00%	54,00%	54,00%
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH ISS – Gemadept	45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	61 đường 468, Phường Toul Tumpoung 2, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	18B đường 500, Phường Phsar Deum Thkov, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương	947 Thôn Por Prok Khang Tbong, Phường Kar Karb, Quận Po Sen Chey, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	147 Nguyễn Thái Bình, Phường 3, TP. Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	98 Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	53,20%	53,20%	53,20%	53,20%
Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	TĐ số 712, TĐ số 8.BT.B, tổ 5, khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	80,09%	80,09%	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (i) Tập đoàn nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.
- (ii) Tập đoàn nắm quyền kiểm soát Cổ phần Cảng Bình Dương kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2019.

5b. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty Cổ phần Mekong Logistic	Khu công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	25,02%	25,02%	25,02%	25,02%
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Tầng 6, lô 20A, tòa nhà TD Plaza Business Center, đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.	63 Market Street #05 – 01A Bank of Singapore Centre, Singapore, 048942	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	No.68B, Jalan Batai Laut 4, Taman Intan, 41300 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link ⁽ⁱ⁾	Khu vực Cái Mép, Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	65,13%	65,13%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	30 Phan Thúc Duyện, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	34,97%	36,43%	34,97%	36,43%
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	267 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	26,56%	26,56%	26,56%	26,56%
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Cầu Tum, Khu phố Hải Tân, Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	973 đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%	26,78%
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	Tầng 13, tòa nhà Sài Gòn Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%

⁽ⁱ⁾ Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là hơn 50% nhưng theo Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 76% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua. Do đó khoản đầu tư này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có 1.471 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm 1.481 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 4 năm 2019 bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phương Đông (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phương Đông (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối kỳ trên 2% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính toán bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh giao dịch trên sàn UPCOM là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí phát sinh liên quan đến dự án chưa hoàn thành.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là:

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất thể hiện khoản tiền thuê đất, các chi phí tư vấn và chi phí khác đã trả cho phân đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí nhượng quyền sử dụng đất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phân đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 02 – 03 năm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 06 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

Chi phí thiết kế trang Web

Chi phí thiết kế trang Web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Các chi phí phát sinh liên quan đến các lô cây trồng sinh trưởng kém sẽ được ghi giảm vào chi phí khác trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã cung cấp từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	20.483.188.132	8.735.160.738
Tiền gửi ngân hàng	160.533.873.592	140.433.501.718
Tiền đang chuyển	767.554.510	3.398.386.037
Các khoản tương đương tiền (<i>tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng</i>)	4.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	<u>185.784.616.234</u>	<u>172.567.048.493</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Cổ phiếu						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân	37.686.574.985	26.100.068.211	(11.586.506.774)	94.971.030.000	62.645.063.159	(32.325.966.841)
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	31.488.264.362	14.467.637.700	(17.020.626.662)	31.488.264.362	16.519.218.000	(14.969.046.362)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	14.234.321.100	-	(14.234.321.100)	14.234.321.100	-	(14.234.321.100)
Các cổ phiếu khác	650.218	436.900	(386.768)	650.218	365.900	(352.768)
Cộng	<u>83.409.810.665</u>	<u>40.568.142.811</u>	<u>(42.841.841.304)</u>	<u>140.694.265.680</u>	<u>79.164.647.059</u>	<u>(61.529.687.071)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(61.529.687.071)	(74.153.531.152)
Hoàn nhập trong kỳ	18.687.845.767	12.623.844.081
Số cuối kỳ	<u>(42.841.841.304)</u>	<u>(61.529.687.071)</u>

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng.

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</u>	<u>Cộng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</u>	<u>Cộng</u>
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	62.538.064.097	2.530.796.787	65.068.860.884	62.538.064.097	1.474.981.345	64.013.045.442
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	9.642.000.000	2.015.741.320	11.657.741.320	9.642.000.000	1.498.525.617	11.140.525.617
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	405.966.310.371	124.676.298.041	530.642.608.412	423.398.893.817	68.814.681.326	492.213.575.143
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	49.825.280.000	(22.641.948.608)	27.183.331.392	49.825.280.000	(20.376.321.648)	29.448.958.352
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link	1.477.350.000.000	(141.864.207.932)	1.335.485.792.068	1.477.350.000.000	(123.045.215.437)	1.354.304.784.563
Công ty TNHH Golden Globe ⁽¹⁾	103.915.442.496	(1.964.579.073)	101.950.863.423	94.992.157.496	(396.573.410)	94.595.584.086
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line-Gemadep	108.001.500.000	8.575.901.203	116.577.401.203	108.001.500.000	3.613.274.743	111.614.774.743
Công ty TNHH Gemadep Logistics Holding	131.555.876.205	56.605.948.839	188.161.825.044	131.555.876.205	28.469.974.465	160.025.850.670

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Giá gốc	Số cuối kỳ	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm	Cộng
		Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư			Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	
Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding	104.620.023.000	3.154.252.393	107.774.275.393	104.620.023.000	(13.122.779.123)	91.497.243.877
Các công ty liên doanh, liên kết khác	19.783.608.143	(19.783.608.143)	-	19.783.608.143	(19.783.608.143)	-
Cộng	2.473.198.104.312	11.304.594.826	2.484.502.699.138	2.481.707.402.758	(72.853.060.265)	2.408.854.342.493

(i) Tăng do góp vốn bổ sung.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**Năm nay****Năm trước****Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn**

Cổ tức được chia	137.476.845.500	184.685.117.500
Vay	106.000.000.000	198.000.000.000
Chi phí lãi vay	3.358.796.784	4.227.963.676

Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link

Lãi vay	328.142.924	1.248.590.178
Doanh thu cho thuê văn phòng	265.905.802	264.000.000

Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu

Cổ tức được chia	674.940.000	1.157.040.000
------------------	-------------	---------------

Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm

Cho vay	180.000.000	330.000.000
---------	-------------	-------------

Công ty TNHH Golden Globe

Góp vốn	8.923.285.000	6.969.000.000
---------	---------------	---------------

Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept

Doanh thu dịch vụ	15.875.633.110	3.783.610.590
Góp vốn	-	36.649.000.000
Cho vay	-	30.000.000.000
Lãi cho vay	-	345.205.479

Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept

Doanh thu dịch vụ, cho thuê tài sản	23.883.834.862	23.291.809.568
Chi phí dịch vụ	1.681.821.683	624.498.539
Cho vay	-	173.327.840.992
Lãi cho vay	-	339.784.931
Vay	-	2.077.159.008
Lãi vay	-	6.191.641
Thu hộ	17.504.214.660	35.934.748.281
Chi hộ	1.859.755.563	1.245.867.199
Nhận đặt cọc	2.000.000.000	2.000.000.000

Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng

Doanh thu cho thuê tài sản	7.385.397.027	5.924.000.000
Doanh thu dịch vụ đại lý	63.123.433.369	41.101.992.778
Chi phí dịch vụ	35.319.713.747	58.110.550.172
Chi hộ	31.276.075	70.541.810

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Mua tài sản	38.750.000	-
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Doanh thu dịch vụ	267.468.111	-
Cho vay	-	8.000.000.000
Lãi cho vay	282.849.316	176.630.135
Mua tài sản cố định	1.997.401.815	-
Công ty TNHH MTV vận tải biển Gemadept		
Doanh thu dịch vụ, cho thuê tài sản	94.172.979.619	100.357.096.735
Chi phí dịch vụ	9.303.123.529	4.971.280.500
Chi hộ	30.259.243.983	2.366.540.432
Thu hộ	36.832.498.761	47.416.086.960
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings		
Cho vay	14.600.000.000	4.000.000.000
Lãi cho vay	722.997.261	71.912.329
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings		
Cho vay	2.785.460.000	-
Lãi cho vay	115.719.686	-

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	165.581.032.000	-	165.581.032.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam ⁽ⁱ⁾	-	-	31.752.000.000	(12.493.645.455)
Công ty CP Mặt Trời Đông Dương	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	(3.107.270.659)	5.000.000.000	(3.167.288.833)
Cộng	206.581.032.000	(3.107.270.659)	238.333.032.000	(15.660.934.288)

⁽ⁱ⁾ Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam đã giải thể.
 Tình hình biến động dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(15.660.934.288)	(126.173.929.683)
Hoàn nhập trong kỳ	12.553.663.629	110.512.995.395
Số cuối kỳ	(3.107.270.659)	(15.660.934.288)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	32.785.260.766	51.457.623.017
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept	4.055.524.000	993.762.000
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	8.135.275.402	28.751.453.446
Công ty TNHH MTV Tiếp Vận Gemadept	1.969.153.844	4.201.998.876
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	16.360.942.113	17.231.228.695
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	2.264.365.407	279.180.000
Phải thu các khách hàng khác	334.394.431.383	364.114.914.422

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương	-	26.982.793.328
Các khách hàng khác	334.394.431.383	337.132.121.094
Cộng	367.179.692.149	415.572.537.439

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn**4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	55.274.181.296	58.274.181.296
Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà	10.783.853.004	16.633.824.821
Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương	-	22.435.940.990
Các nhà cung cấp khác	85.082.655.793	216.063.610.125
Cộng	151.140.690.093	313.407.557.232

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

Khoản trả trước cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Vương Song.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho các bên liên quan vay	18.890.000.000	14.110.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	2.290.000.000	2.110.000.000
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	16.600.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	-	8.000.000.000
Cho tổ chức khác vay	63.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà	31.000.000.000	11.000.000.000
Tổ chức khác	32.000.000.000	-
Cộng	81.890.000.000	25.110.000.000

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	31.479.360.061	68.636.960.655
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	206.882.222	206.882.222
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	-	300.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	-	1.072.446.000
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	4.919.364.709	31.478.017.357
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	-	327.961.655
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	-	82.328.766
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	-	9.132.443.155
Công ty TNHH Golden Globe	26.059.414.500	26.036.881.500
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	293.698.630	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân	171.255.518.986	135.766.083.132
Các khoản chi hộ	8.715.704.822	6.383.871.743

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	100.003.339.992	76.383.333.617
Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Các khoản ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	1.766.405.175	6.416.987.018
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	41.770.068.997	27.581.890.754
Cộng	<u>202.734.879.047</u>	<u>204.403.043.787</u>

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	-	24.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản ký quỹ, đặt cọc dài hạn	13.925.783.113	9.424.688.070
Các khoản phải thu dài hạn khác	2.737.494.900	2.765.540.300
Cộng	<u>34.663.278.013</u>	<u>54.190.228.370</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(9.775.949.394)	(13.885.718.489)
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng	2.604.885.771	(244.500.637)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	3.097.397.830
Xóa nợ	-	1.256.871.902
Số cuối kỳ	<u>(7.171.063.623)</u>	<u>(9.775.949.394)</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	39.005.951.006	-	30.445.778.818	-
Nhiên liệu tồn trên tàu	2.685.745.707	-	1.152.441.000	-
Phụ tùng thay thế	13.194.832.560	-	12.423.586.653	-
Công cụ dụng cụ	419.367.486	-	352.473.720	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.916.137.969	-	15.448.609.291	-
Hàng hóa	5.616.554.773	(3.121.208.691)	8.843.594.297	(3.118.509.620)
Cộng	<u>82.838.589.501</u>	<u>(3.121.208.691)</u>	<u>68.666.483.779</u>	<u>(3.118.509.620)</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	2.076.587.229	2.198.619.817
Chi phí vật tư	846.251.448	261.666.669
Chi phí bảo hiểm	4.122.996.724	2.810.437.695
Chi phí nạo vét, duy tu cảng	545.651.362	9.360.321.092
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.294.343.396	4.054.868.975
Cộng	<u>9.885.830.159</u>	<u>18.685.914.248</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí nhượng quyền sử dụng đất ⁽ⁱ⁾	136.256.889.176	140.397.901.459
Tiền thuê đất ⁽ⁱⁱ⁾	444.322.678.762	447.067.932.252
Chi phí đầu tư đường gom	19.908.443.329	23.467.404.134
Chi phí vật tư, phụ tùng	4.447.021.064	3.859.164.753
Chi phí lãi thuê tài chính container	38.589.763.593	49.467.126.156
Các chi phí trả trước dài hạn khác	33.296.943.521	44.803.445.952
Cộng	676.821.739.445	709.062.974.706

(i) Chi phí nhượng quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ. Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng.

(ii) Tiền thuê đất của Công ty Cổ phần ICD Nam Hải và Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ. Trong đó tiền thuê đất của Công ty Cổ phần ICD Nam Hải đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng, tiền thuê đất của Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.952.413.828.616	1.301.233.553.805	1.211.574.132.018	27.785.773.499	4.493.007.287.938
Tăng do hợp nhất	55.912.125.612	47.635.346.974	5.543.765.741	299.555.454	109.390.793.781
Tăng trong kỳ	18.038.851.363	147.307.794.834	105.988.200.948	1.129.305.209	272.464.152.354
Giảm trong kỳ	(2.840.345.989)	(22.186.110.768)	(16.306.140.402)	(1.423.911.901)	(42.756.509.060)
Số cuối kỳ	2.023.524.459.602	1.473.990.584.845	1.306.799.958.305	27.790.722.261	4.832.105.725.013
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	568.975.610.116	421.771.970.570	569.848.412.040	12.912.821.104	1.573.508.813.830
Tăng do hợp nhất	32.224.941.491	39.732.920.035	5.005.938.120	299.555.454	77.263.355.100
Tăng trong kỳ	113.287.016.650	94.193.682.033	91.810.258.304	4.452.578.233	303.743.535.220
Giảm trong kỳ	(2.050.354.764)	(16.478.880.368)	(15.992.412.968)	(1.423.911.901)	(35.945.560.001)
Số cuối kỳ	712.437.213.493	539.219.692.270	650.672.195.496	16.241.042.890	1.918.570.144.149
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.383.438.218.500	879.461.583.235	641.725.719.978	14.872.952.395	2.919.498.474.108
Số cuối kỳ	1.311.087.246.109	934.770.892.575	656.127.762.809	11.549.679.371	2.913.535.580.864

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	259.292.255.153
Thuê tài chính tăng trong kỳ	446.634.407
Số cuối kỳ	259.738.889.560

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	55.820.832.735
Khấu hao trong kỳ	44.048.803.263
Số cuối kỳ	99.869.635.998

Giá trị còn lại	
Số đầu năm	203.471.422.418
Số cuối kỳ	159.869.253.562

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Chi phí thiết kế web	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	307.313.481.530	39.278.412.351	105.000.000	346.696.893.881
Tăng trong kỳ	310.149.673	782.000.000	-	1.092.149.673
Số cuối kỳ	307.623.631.203	40.060.412.351	105.000.000	347.789.043.554
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	46.254.682.073	19.244.174.900	59.112.903	65.557.969.876
Tăng trong kỳ	6.233.575.278	6.720.578.588	-	12.954.153.866
Số cuối kỳ	52.488.257.351	25.964.753.488	59.112.903	78.512.123.742
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	261.058.799.457	20.034.237.451	45.887.097	281.138.924.005
Số cuối kỳ	255.135.373.852	14.095.658.863	45.887.097	269.276.919.812

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	67.895.408.765	225.040.264.104	(244.619.216.023)	48.316.456.846
XDCB dở dang	1.639.658.945.145	170.221.829.366	(64.777.211.474)	1.745.103.563.037
- Công trình khu dân cư Rạch Chiếc	51.165.085.825	-	-	51.165.085.825
- Dự án cao su của Pacific Pearl	381.155.471.670	26.057.682.216	-	407.213.153.886
- Dự án cao su của Pacific Lotus	465.400.319.020	19.466.814.479	(17.668.274.010)	467.198.859.489
- Dự án cao su của Pacific Pride	741.938.068.630	42.300.521.179	(31.875.122.010)	752.363.467.799
- Dự án Cảng Nam Đình Vũ	-	60.072.592.365	-	60.072.592.365
- Các dự án khác	-	22.324.219.127	(15.233.815.454)	7.090.403.673
Cộng	1.707.554.353.910	395.262.093.470	(309.396.427.497)	1.793.420.019.883

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu kỳ	30.485.029.379	33.016.627.000
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	71.686.056.212	(2.531.597.621)
Số cuối kỳ	102.171.085.591	30.485.029.379

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải và Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương.

Chi tiết phân bổ như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Số đã phân bổ</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	282.481.409.458	227.180.980.611	55.300.428.847
Tăng trong kỳ	276.127.214.980	-	-
Phân bổ trong kỳ	-	34.585.489.925	-
Số cuối kỳ	558.608.624.438	261.766.470.536	296.842.153.902

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	4.946.388.556	22.323.790.221
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	811.713.701	13.680.978.518
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	3.246.400.235	6.756.869.342
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	785.844.620	1.885.942.361
Công ty CP Mekong Logistics	102.430.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	395.871.400.770	381.255.859.739
Rich Mountain Trading Co., Ltd	66.909.441.695	67.221.748.900
V.K.S Capital Investment Co., Ltd	72.209.918.464	72.638.886.600
Các nhà cung cấp khác	256.752.040.611	241.395.224.239
Cộng	400.817.789.326	403.579.649.960

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	122.606.177.166	-
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link	122.606.177.166	-
Trả trước cho người bán khác	9.909.069.884	4.780.274.288
Công ty TNHH Khánh Duy	1.558.717.400	2.000.000.000
Petro China International (S) Pte. Ltd	-	489.442.015
Các khách hàng khác	8.350.352.484	2.290.832.273
Cộng	132.515.247.050	4.780.274.288

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT	4.489.073.778	-	3.747.986.304	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	85.437.927.779	1.620.084.580	24.034.072.457	4.297.173.786
Thuế thu nhập cá nhân	2.722.196.230	1.103.870.936	2.836.629.727	1.334.404.945
Các loại thuế khác	38.517.336	319.495.420	419.134.329	814.864.266
Cộng	92.687.715.123	3.043.450.936	31.037.822.817	6.446.442.997

19. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	264.861.130	782.782.029
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi phí lãi vay	-	497.616.332
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	264.861.130	285.165.697
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	188.379.284.477	166.834.435.574
Chi phí lãi vay	15.572.669.844	12.842.721.477
Chi phí cho dự án trồng cao su	73.969.746.242	65.543.237.520
Chi phí sửa chữa, xây dựng	1.140.744.172	6.572.991.382
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	18.333.356.948	6.861.219.604
Chi phí duy tu, nạo vét cảng	31.327.450.713	41.239.898.651
Chi phí khác	48.035.316.558	33.774.366.940
Cộng	188.644.145.607	167.617.217.603

21. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	221.890.038.777	227.705.328.879
Doanh thu chưa thực hiện khác	1.787.469.923	2.783.529.220
Cộng	223.677.508.700	230.488.858.099

22. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**22a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	8.550.868.709
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	-	1.066.094.645
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	-	5.117.063.590
Công ty TNHH MTV vận tải biển Gemadept	-	2.295.405.974
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept	-	72.304.500
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	186.258.813.521	100.189.801.684
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	4.357.901.317	1.385.933.964
Nhận ký quỹ ngắn hạn	4.678.845.575	3.887.393.840
Cổ tức phải trả	22.078.933.271	866.923.926
Phải trả về dịch vụ làm đại lý	14.045.170.234	6.666.007.893
Chi phí thuê đất	9.250.703.803	7.140.331.540
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	131.847.259.321	80.243.210.521
Cộng	186.258.813.521	108.740.670.393

22b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Nhận đặt cọc cho thuê kho	2.000.000.000	2.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	72.872.116.177	66.333.658.840
Chi phí thuê đất ⁽ⁱ⁾	72.872.116.177	66.333.658.840
Cộng	74.872.116.177	68.333.658.840

(i) Các khoản chi phí thuê đất phát sinh tại Công ty Cổ phần Hòa Ngọc Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương và Công ty Cổ phần Niêm Kiều Hành Thái Bình Dương được phân bổ cho giai đoạn từ năm 2011 lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019. Các khoản chi phí này sẽ được thanh toán sau thời hạn 05 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất.

Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	56.000.000.000	273.775.223.876
Vay Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng	-	220.320.963.876
Vay Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng	56.000.000.000	53.454.260.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	228.412.233.474	123.051.121.582
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	36.155.774.385	78.630.679.430
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	62.096.079.204	44.420.442.152
Vay Ngân hàng TMCP Liên Việt Post	46.285.612.782	-
Vay ngân hàng TMCP Quốc tế	16.818.621.666	-
Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam - CN Tân Bình	4.178.939.444	-
Vay các tổ chức khác	62.877.205.993	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả các tổ chức khác</i>	348.067.530.863	278.180.975.264
Vay dài hạn đến hạn trả	292.321.849.762	222.276.002.552
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	55.745.681.101	55.904.972.712
Cộng	632.479.764.337	675.007.320.722

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

23b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	1.296.256.589.578	1.387.108.882.336
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	758.930.437.601	879.771.023.425
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình	187.874.611.427	184.457.549.999
Vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng	87.045.596.650	155.708.641.250
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn	60.000.000.000	80.000.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	26.000.000.000	64.000.000.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	51.342.000.000	23.171.667.662
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Tp.HCM	20.063.943.900	-
Vay Ngân hàng TMCP Shinhan Sài Gòn	105.000.000.000	-
Nợ thuê tài chính	149.252.935.500	204.872.566.704
Thuê tài chính Trac Container Ltd.	125.409.932.219	159.396.923.957
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	23.843.003.281	45.475.642.747
Cộng	1.445.509.525.078	1.591.981.449.040

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

23c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty bao gồm: quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ Hội đồng quản trị.

26. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm Nay	Năm trước
Số đầu năm	111.871.685	6.567.021.758
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(111.871.685)	(6.404.212.773)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(50.937.300)
Số cuối kỳ	-	111.871.685

27. Vốn chủ sở hữu**27a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn góp của chủ sở hữu	2.969.249.570.000	-	-	2.969.249.570.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.941.832.197.040	-	-	1.941.832.197.040
Vốn khác của chủ sở hữu	71.797.775.902	-	-	71.797.775.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	88.120.738.511	-	(5.103.097.816)	83.017.640.695
Quỹ đầu tư phát triển	140.506.685.321	12.130.252.031	-	152.636.937.352
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	127.122.474.017	12.130.252.031	(1.088.888.891)	138.163.837.157
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	541.644.403.653	514.857.941.558	(548.485.258.862)	508.017.086.349
Cộng	5.880.273.844.444	539.118.445.620	(554.677.245.569)	5.864.715.044.495

27b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	296.924.957	296.924.957

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu phổ thông	296.924.957	296.924.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	296.924.957	296.924.957
- Cổ phiếu phổ thông	296.924.957	296.924.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27c. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các Công ty con lập bằng USD sang VND.

28. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*****1a. Tổng doanh thu***

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	2.355.908.546.519	2.278.542.369.971
Doanh thu hoạt động logistics, cho thuê văn phòng...	284.705.684.749	429.014.020.764
Cộng	<u>2.640.614.231.268</u>	<u>2.707.556.390.735</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	1.441.627.179.545	1.415.842.794.895
Giá vốn hoạt động logistics	202.259.961.703	323.608.263.724
Cộng	<u>1.643.887.141.247</u>	<u>1.739.451.058.619</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.906.037.541	14.681.440.162
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.872.249.689	14.061.980.860
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.330.487.500	15.401.940.999
Lãi chuyển nhượng công ty con, công ty liên kết	-	1.578.828.485.230

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Doanh thu hoạt động tài chính khác	98.067.909.950	2.389.854.424
Cộng	108.176.684.680	1.625.363.701.675

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	145.192.481.595	128.796.150.372
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.527.819.613	22.750.099.375
Dự phòng (hoàn nhập) các khoản đầu tư tài chính	(5.007.065.233)	(123.136.839.476)
Chi phí tài chính khác	368.008.964	15.289.305.998
Cộng	146.081.244.939	43.698.716.269

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới, chi phí khác cho hoạt động bán hàng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	159.352.438.271	139.161.976.887
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	11.045.523.098	6.568.085.492
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.745.151.141	18.550.951.247
Phân bổ lợi thế thương mại	34.585.489.925	30.358.340.193
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.060.571.809	54.655.180.142
Chi phí khác	53.665.860.070	71.231.660.131
Cộng	333.455.034.314	320.526.194.092

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	2.458.872.844	14.450.092.501
Phân bổ doanh thu chưa thực hiện (*)	6.249.086.862	6.377.552.639
Thu nhập khác	13.976.386.660	8.484.347.117
Cộng	22.684.346.366	29.311.992.257

(*) Doanh thu chưa thực hiện bao gồm:

- Phân bổ đánh giá quyền sử dụng đất khi góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link phát sinh từ năm 2008 là 283.980.000.000 VND. Tập đoàn phân bổ doanh thu chưa thực hiện trong kỳ tương ứng với thời gian khấu hao quyền sử dụng đất là 48 năm và 10 tháng.
- Phân bổ khoản đánh giá lại giá trị tài sản cố định góp vốn vào Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings phát sinh từ năm 2017 là 5.622.625.365 VND với thời gian phân bổ là 10 năm.

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đầu tư không hiệu quả	49.543.396.020	101.133.212.310
Chi phí khác	4.482.882.016	5.814.658.601
Cộng	54.026.278.036	106.947.870.911

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9. Lãi trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	514.857.941.558	1.847.718.123.862
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	<u>(41.188.635.325)</u>	<u>(38.593.996.792)</u>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	473.669.306.233	1.809.124.127.070
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	<u>296.924.957</u>	<u>291.447.994</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	<u>1.595</u>	<u>6.207</u>
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.595</u>	<u>6.207</u>

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được điều chỉnh theo mức trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi được xét duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	248.642.273.083	234.583.057.278
Chi phí nhân công	379.930.701.040	339.973.384.321
Chi phí khấu hao tài sản cố định và lợi thế thương mại phân bổ	364.757.237.373	335.232.703.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	973.721.912.470	1.106.436.217.864
Chi phí khác	<u>138.660.783.958</u>	<u>145.758.137.690</u>
Cộng	<u>2.105.712.907.924</u>	<u>2.161.983.500.875</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	11.728.016.000	9.993.008.000
Thu nhập khác	1.473.735.292	2.062.035.292
Cộng	<u>13.201.751.292</u>	<u>12.055.043.292</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadep – Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadep	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn
 Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings
 Công ty TNHH Golden Globe
 Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu
 Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng
 Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm
 Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm
 Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng
 Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept
 Công ty Cổ phần Mekong Logistics
 Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept

Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.

Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.

Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực

Mối quan hệ

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty con của công ty liên kết
 Công ty con của công ty liên kết
 Công ty con của công ty liên kết
 Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
 Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
 Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết của công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.16, V.17, V.20, V.22 và V.23.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Giải trình biến động lợi nhuận hợp nhất sau thuế

	<u>Quý 4 năm 2019</u>	<u>Quý 4 năm 2018</u>	<u>Chênh lệch giảm</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	64.347.758.413	154.620.746.240	90.272.987.827

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ quý 4 năm 2019 đạt hơn 64 tỷ đồng, giảm hơn 90 tỷ đồng so với quý 4 năm 2018. Trong đó:

- Lợi nhuận khác tăng 9,1 tỷ đồng
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 10,6 tỷ đồng
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 39,4 tỷ đồng
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm 45 tỷ đồng
- Lợi nhuận từ các công ty liên kết giảm 5 tỷ đồng

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>	<u>Chênh lệch giảm</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	514.857.941.558	1.847.718.123.862	1.332.860.182.304

Lợi nhuận sau thuế thu của cổ đông công ty mẹ năm 2019 đạt hơn 516 tỷ đồng, giảm hơn 1.332 tỷ đồng so với năm 2018. Trong đó:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2019

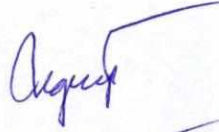
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 95,7 tỷ đồng do tăng hiệu quả của hoạt động kinh doanh chính là khai thác cảng và logistics;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 190,8 tỷ đồng;
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm 1.619,5 tỷ đồng do năm 2018 Công ty nhận được lợi nhuận từ việc chuyển nhượng một phần vốn trong Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings, Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings, Công ty cổ phần tiếp vận và Cảng Quốc Tế Gemadept Hoa Sen;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2020



Phạm Quang Huy
Người lập



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc